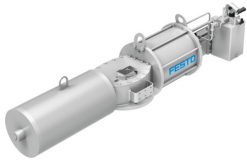


Bộ truyền động xoay DFPD-HD-9000-

Số bộ phận: 8042201

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước bộ truyền động vị trí	9000
Mẫu khoan mặt bích	F25
Ø pít tông	235 mm 280 mm 335 mm 385 mm 435 mm
Góc xoay	90 °
Vùng điều chỉnh vị trí cuối ở 0 °	-5 °...5 °
Phạm vi điều chỉnh của vị trí cuối ở góc lệch danh định	-5 °...5 °
Cổng nối trực độ sâu	160 mm
Tiêu chuẩn cổng nối van để nghiêng	ISO 5211
Đệm	không có đệm
Vị trí lắp đặt	bất kì ngang
Nguyên tắc vận hành	tác động kép tác động đơn lẻ
Cấu trúc xây dựng	Động học ách
Phát hiện vị trí	quang học
Hướng đóng	đóng đúng đóng bên trái
Được chứng nhận về chức năng an toàn theo ISO 13849 và IEC 61508 (SIL)	Sản phẩm có thể được sử dụng trong SRP/CS lên đến SIL 2 Low Demand
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.85 MPA 1 bar...8.5 bar 14.5 psi...123.25 psi
Áp suất làm việc danh nghĩa	0.3 MPA...0.6 MPA
Áp suất vận hành định mức	3 bar...6 bar
định mức áp suất làm việc	43.5 psi...87 psi
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)

Đặc tính	Giá trị
Cơ quan cấp chứng chỉ	TUV Miền Bắc 212170802
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIB T6...T4 Gb X
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIC T85°C...T105°C Db X
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +80°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Điểm sương thấp hơn nhiệt độ môi trường và nhiệt độ trung bình ít nhất 10°C Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Mức độ bảo vệ	IP66M IP67M
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Lưu ý về mô-men xoắn	Mô-men xoắn hoạt động của bộ truyền động không được cao hơn mô-men xoắn cực đại cho phép được liệt kê trong ISO 5211, dựa trên kích thước của mặt bích lắp và khớp nối.
Mô men xoắn truyền động tối đa	9000 N m
trọng lượng sản phẩm	162 g...580 g
kết nối trực	V60
Cổng nối khí nén	G1/2 G1
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu nắp cuối	Thép
Vật liệu vít dừng	Thép
Vật liệu ống lót	Đồng PTFE
Vật liệu của phốt	NBR TPE-U (PU)
Vật liệu lò xo	Thép lò xo
Vật liệu thanh lò xo	Thép, mạ crom cứng
Vật liệu vỏ	Thép
Vật liệu pít tông	Thép
Vật liệu thanh piston	Thép, mạ crom cứng
Vật liệu ty ren	Thép
Vật liệu vỏ xy lanh	Thép, mạ niken